

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN THỤY
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28-11-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN THỤY, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lượng

Bà Đặng Thị Đôi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phùng Thị M, sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng. Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Mạc Như B, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 6 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phùng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Mạc Như B từ ngày 04/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K (Giấy chứng nhận kết hôn số 31). Vợ chồng chung sống đến đầu tháng 9 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do

bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm đến kinh tế gia đình, ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị sống không chung thủy, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình, thôn xóm khuyên giải nhưng không có kết quả nên chị phải về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 9 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh B.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Mạc Gia H, sinh ngày 25/11/2019, đang do anh B nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý giao cháu H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, giữa chị và anh B thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 10 năm 2024, bị đơn Mạc Như B trình bày thống nhất với chị M về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không cùng nhau chia sẻ công việc gia đình, anh nghi ngờ chị M không chung thủy, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 9 năm 2023 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung; trường hợp chị M cương quyết xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con như chị M đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; anh B vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ. Vì vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu như trên. Anh B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn vẫn giữ nguyên nội dung, quan điểm nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã

chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị M, cho chị Phùng Thị M được ly hôn anh Mạc Như B.

- Về con chung: Giao cháu Mạc Gia H, sinh ngày 25/11/2019 cho anh Mạc Như B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh B không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phùng Thị M xin ly hôn anh Mạc Như B và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy. Anh B đang cư trú tại xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Anh B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị M xin ly hôn anh Mạc Như B; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã N cung cấp thì hôn nhân của chị Phùng Thị M và anh Mạc Như B là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ đầu tháng 9 năm 2023, do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin về tình cảm, kinh tế, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị M đã về nhà mẹ đẻ ở từ cuối tháng 9 năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị M có cơ sở chấp nhận nên xử cho chị M được ly hôn anh B là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh B.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là Mạc Gia H, sinh ngày 25/11/2019, đang do anh B nuôi dưỡng. Anh chị đều thống nhất: Giao cháu Mạc Gia H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các đương sự và chính quyền xã N cung cấp thì anh B làm nghề kinh doanh nhỏ thu nhập trung bình từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu H. Khi chị M bỏ về nhà mẹ đẻ ở, cháu H được anh B nuôi dưỡng rất tốt, đảm bảo, đầy đủ điều kiện cho cháu có cuộc sống ổn định. Do đó cần giao cháu H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu chị M cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phùng Thị M không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị M được ly hôn anh Mạc Như B.
2. Về con chung: Giao cháu Mạc Gia H, sinh ngày 25/11/2019 cho anh Mạc Như B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Phùng Thị M.

Sau khi ly hôn, chị Phùng Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007974 ngày 09 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy. Chị M đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Mạc Như B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Kiến Thụy;
- Chi cục THADS huyện Kiến Thụy;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngũ Đoan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu

